Ký bởi: Trung tâm Công báo - Tin học
Email: ttcongbaotinhoc@hatinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Tĩnh
Thời gian ký: 25.08.2015

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39 /2015/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 8 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14 về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2347/STC-GCS ngày 31 tháng 7 năm 2015; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu, tỷ lệ phần trăm trích để lại cho đơn vị thu một số loại phí; phân bổ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Đình Sơn

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TKCT.

Gửi:
+ VB giấy: TP không nhận bản ĐT;
+ Bản ĐT: Các thành phần khác.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc được phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

2. Đối tượng không chịu phí: Thửa đất được các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự đầu tư kinh phí thuê tư vấn đo vẽ (tư vấn có pháp nhân đo đạc bản đồ và kinh phí đầu tư không có nguồn gốc từ ngân sách), đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đạt yêu cầu.

3. Đơn vị tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ

Điều 3. Mức thu phí

TT	Quy mô thửa đất	Mức thu (đồng/thửa)
1	Dưới 100 m^2	60.000
2	Từ 100 m^2 đến 300 m^2	150.000
3	Trên 300 m^2 đến 500 m^2	300.000
4	Trên 500 m^2 đến 1.000 m^2	380.000
5	Trên 1.000 m^2 đến 5.000 m^2	450.000
6	Trên 5.000 m^2 đến 10.000 m^2 (1 ha)	800.000
7	Trên 1 ha đến 5 ha	950.000
8	Trên 5 ha đến 10 ha	2.000.000
9	Trên 10 ha	2.000.000 + 15 đồng/m^2 (đối với mỗi m^2 tăng thêm)

Điều 4. Chứng từ thu phí

1. Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

2. Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; nghiêm cấm việc thu phí không sử dụng biên lai, biên lai không đúng quy định hoặc thu cao hơn mệnh giá ghi trên biên lai; kết thúc năm tài chính phải quyết toán thu theo biên lai (không quyết toán số thu khoán khi đã có biên lai).

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền phí

1. Việc quản lý và sử dụng tiền thu phí được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ- CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản "tạm giữ tiền phí, lệ phí" tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ, hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản "tạm giữ tiền phí, lệ phí" và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, tổng số tiền thu phí được trích như sau:

a. Để lại 30% số phí thu được cho đơn vị thu phí để phục vụ cho công tác thu phí.

b. Phần còn lại (70%) nộp vào ngân sách nhà nước và điều tiết toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

Điều 6. Chế độ tài chính kế toán

1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí phải căn cứ chế độ quy định của nhà nước lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại phí; trường hợp thu các loại phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí.

4. Đối với tiền phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí theo quy định.

2. Cơ quan thuế nơi đơn vị thu phí đóng trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

3. Giao cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu phí theo đúng quy định.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Đình Sơn